

Bản án số: **37/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 10/3/2023

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Quang Khải**

Bà **Lò Thị Thanh Bình**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Nhung**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Khánh Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Lương Xuân L**; sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

* Bị đơn: Bà **Lê Thị L**; Sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/11/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Lương Xuân Luyện trình bày:

Về hôn nhân: Ông Lương Xuân L và bà Lê Thị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ vào ngày 02/10/1993. Ông bà kết hôn tự nguyện không ai bị ép buộc lừa dối. Tuy nhiên, ông bà đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn và UBND xã T cũng không lưu hồ sơ kết hôn của ông bà. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc đến ngày 09/10/2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông bà đã sống ly thân từ ngày 09/10/2022 cho đến nay. Xét thấy ông L không còn tình cảm với bà L nên ông L đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tuyên chấm dứt quan hệ vợ chồng giữa ông L và bà Lê Thị L.

Về con chung: Ông Lương Xuân L và bà Lê Thị L có 02 con chung là Lương Thị Thu T; sinh ngày 01/10/1994 và Lương Minh T; sinh ngày 20/3/1999; Các cháu đã đủ tuổi thành niên và có cuộc sống gia đình riêng. Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản:

Tài sản riêng; nợ phải trả: Không có.

Tài sản chung; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/12/2022 và trong quá trình xét xử, Bị đơn bà Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà Liễu và ông Lương Xuân L có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ vào ngày 02/10/1993. Ông bà kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc lừa dối. Tuy nhiên do giấy chứng nhận kết hôn bị mỗi một không thể cung cấp cho Tòa án và UBND xã T có trả lời ông bà là không có hồ sơ lưu về việc đăng ký kết hôn của ông bà. Vì vậy, ông bà không có giấy tờ chứng minh về việc kết hôn của mình. Ông bà chung sống hạnh phúc đến ngày 11/10/2022 thì phát sinh mâu thuẫn vì ông L uống rượu buổi sáng nhưng bà L ngăn không cho uống, hai người giằng co, cự cãi nhau. Ông L đã đánh bà L rất dã man dẫn đến việc bà L phải đi điều trị tại bệnh viện y học Cổ truyền tỉnh Điện Biên mất 17 ngày. Nay ông L xin ly hôn bà L nhất trí ly hôn ông L.

Về con chung: Bà L và ông L có 02 con chung là Lương Thị Thu T sinh ngày 01/10/1994 và Lương Minh T sinh ngày 20/3/1999. Hiện các cháu thành niên và có gia đình riêng nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về quan hệ tài sản:

Tài sản riêng; nợ phải trả: Không có.

Tài sản chung; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Công văn số 01/UBND-TP ngày 04/01/2023 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ “*Về việc trả lời xác minh lưu trữ thông tin đăng ký kết hôn của công dân*”: Qua kiểm tra hồ sơ, sổ sách lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã ông Lương Xuân L và bà Lê Thị L không có hồ sơ lưu trữ về việc đăng ký kết hôn tại xã T.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Khoản 1

Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 51; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Lương Xuân L và bà Lê Thị L là vợ chồng.

- Về con chung: Không xem xét.

- Về quan hệ tài sản:

Tài sản riêng, nợ phải trả: Không có.

Tài sản chung; nợ lấy về; diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Ông Lương Xuân L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST ông L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005031 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Ông L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 21/11/2022 ông Lương Xuân L nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với bà Lê Thị L có địa chỉ tại Thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Ngày 24/11/2022 ông L đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông L theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa ông Lương Xuân L và bà Lê Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân:

Ông L và bà L khai có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 02/10/1993, tuy nhiên ông bà cũng không cung cấp được cho Tòa án bất cứ tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại giấy chứng nhận tình trạng hôn nhân ngày 18/11/2022 do nguyên đơn cung cấp (Bút lục số 10) và Công văn số 01/UBND-TP ngày 04/01/2023 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ “Về việc trả lời xác minh lưu trữ thông tin đăng

ký kết hôn của công dân” (Bút lục số 45) đều thể hiện ông Lương Xuân L và bà Lê Thị L không thực hiện việc kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã T. Trong quá trình chung sống từ năm 1993 cho đến nay ông L và bà L cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Do đó đã vi phạm vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình nên được coi là hôn nhân không hợp pháp. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó đến tháng 10/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, ông L cho rằng nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Còn bà L cho rằng nguyên nhân chính là do ông L đã đánh bà dẫn đến bà phải nhập viện điều trị mất 17 ngày. Tuy nhiên bà L cũng không giao nộp được chứng cứ nào chứng minh cho việc bà bị đánh và phải đi điều trị tại bệnh viện. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay. Nay ông L làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tuyên chấm dứt quan hệ vợ chồng với bà Lê Thị L. Bà Liễu cũng nhất trí ly hôn ông L. Như vậy có thể thấy tình trạng hôn nhân giữa ông L và bà L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa ông L và bà L vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho Ông bà được chấm dứt quan hệ vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho ông L và bà L khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, vì vậy cần thiết phải tuyên bố quan hệ giữa ông L và L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Xét về con chung: Ông Lương Xuân L và bà Lê Thị L có 02 con chung là Lương Thị Thu T sinh ngày 01/10/1994 và Lương Minh T sinh ngày 20/3/1999; Các cháu đã đủ tuổi thành niên và có cuộc sống gia đình riêng. HĐXX không xem xét.

[2.3] Xét về tài sản:

Tài sản riêng; nợ phải trả: Ông Luyện và bà L khai không có.

Tài sản chung; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Ông L và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Lương Xuân L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 51; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Lương Xuân L và bà Lê Thị L là vợ chồng.

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về quan hệ tài sản:

Tài sản riêng, nợ phải trả: Không có.

Tài sản chung; Nợ lấy về; diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Lương Xuân L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST ông L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005031 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Ông L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND HDB;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS HDB;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh DB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yên

